

(Thời gian làm bài: ... phút)

Họ và tên:Lớp.....

Điểm	Nhận xét của giáo viên

A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC: (10 ĐIỂM):

I. Đọc thành tiếng (3 điểm):

Giáo viên chọn một đoạn trong các bài tập đọc từ tuần 18 đến tuần 34 (SGK Tiếng Việt tập 2 lớp 2) cho học sinh đọc và trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn đó.

II. Kiểm tra đọc - hiểu kết hợp trả lời câu hỏi: (7 điểm): điểm

Chuyện quả bầu

Ngày xưa có vợ chồng nọ đi rừng, bắt được một con dúi. Dúi xin tha, họ thương tình tha cho nó.

Đề trả ơn, dúi báo sắp có lũ lụt rất lớn và chỉ cho họ cách tránh. Họ nói với bà con nhưng chẳng ai tin. Nghe lời dúi, họ khoét rỗng khúc gỗ to, chuẩn bị thức ăn bỏ vào đó. Vừa chuẩn bị xong mọi thứ thì mưa to, gió lớn, nước ngập mênh mông. Muôn loài chìm trong biển nước. Nhờ sống trong khúc gỗ nổi, vợ chồng nhà nọ thoát nạn.

Ít lâu sau, người vợ sinh ra một quả bầu.

Một hôm, đi làm nương về, họ nghe tiếng cười đùa từ gác bếp để quả bầu. Thấy lạ, họ lấy quả bầu xuống, áp tai nghe thì có tiếng lao xao. Người vợ thường lấy que dùi quả bầu. Lạ thay, từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ bước ra. Người Khơ Mú ra trước. Tiếp đến, người Thái, người Mường, người Dao, người Mông, người Ê – đê , người Ba – na, người Kinh,...lần lượt ra theo.

Đó là tổ tiên của các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày nay.

(Theo Truyện cổ Khơ Mú)

Đọc thầm bài “Chuyện quả bầu” và khoanh vào các chữ cái trước ý đúng hoặc điền câu trả lời:

Câu 1. Hai vợ chồng đi rừng, họ bắt gặp con vật gì?

- A. Con dúi B. Con trăn C. Con chim

Câu 2. Hai vợ chồng vừa chuẩn bị xong điều gì xảy ra?

- A. Sấm chớp ùng ùng; mưa to gió lớn
B. Mây đen ùn ùn kéo đến; mưa to gió lớn.
C. Mưa to, gió lớn, nước ngập mênh mông

HƯỚNG DẪN CHẤM TIẾNG VIỆT 2 CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024-2025

A/ BIỂU ĐIỂM BÀI ĐỌC (10 điểm)

I. Kiểm tra đọc thành tiếng :3 điểm

Học sinh đọc 1 đoạn trong các bài đọc và trả lời câu hỏi:

- Chuyện bốn mùa (trang 9)
- Mùa vàng (trang 26)
- Khủng long (trang 42)
- Sự tích cây thi là (trang 46)
- Những con sao biển (trang 61)

II. Bài đọc hiểu kết hợp với kiến thức Tiếng Việt: 7 điểm

Câu 1: 0,5 điểm: D

Câu 2: 0,5 điểm: D

Câu 3: 0,5 điểm: C

Câu 4: 0,5 điểm: A

Câu 5: 0,5 điểm: D

Câu 6: 0,5 điểm : D

Câu 7: 1 điểm: B

Câu 8: 1 điểm : C

Câu 9: 1 điểm: B

Câu 10: 1 điểm: Viết đúng câu theo yêu cầu. VD: *Mẹ em rất yêu thương em.*

(Đặt câu phải đảm bảo: Chữ cái đầu câu viết hoa và cuối câu có dấu chấm, trong câu có từ "yêu thương", câu diễn đạt một ý trọn vẹn thì được 1 điểm.

Nếu thiếu mỗi ý đó trừ 0,5 điểm.)

B/ BÀI VIẾT: (10 điểm)

1. Viết chính tả.(2,0 điểm):

- Tốc độ đạt yêu cầu (0,5 điểm).
- Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ: 1 điểm
- Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp (0, 5 điểm)

2. Tập làm văn. (8,0 điểm):

HS viết được đoạn văn theo đúng yêu cầu nêu trong đề bài đảm bảo:

+ **Nội dung: (4 điểm)**

- Học sinh viết được đoạn văn gồm các ý theo đúng yêu cầu nêu trong đề bài. Kể về một việc người thân đã làm cho em thẹn mết ⑩n v̄n khōng 4 - 5 c©u.

(Viết câu đúng ngữ pháp, đúng chính tả, chữ viết trình bày sạch sẽ, rõ ràng.)

+ **Kĩ năng: (4 điểm)**

- Điểm tối đa cho kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả: **1 điểm**

- Điểm tối đa cho kĩ năng dùng từ, đặt câu: **1, 5 điểm**

- Điểm tối đa cho phần sáng tạo: **1, 5 điểm**

.....*Hết*.....

**MA TRẬN NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỌC HIỂU VÀ KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT LỚP 2
HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2024 - 2025**

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu Số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
1. Đọc hiểu văn bản - Xác định được hình ảnh, nhân vật, chi tiết trong bài đọc, nêu đúng ý nghĩa của chi tiết, hình ảnh trong bài. - Nhận xét đơn giản một số hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc...	Số câu	4	4	0	8
	Số điểm	2	2	0	4
2. Kiến thức Tiếng Việt - Hiểu được mẫu câu. - Biết đặt câu với một từ cho trước	Số câu			2	2
	Số điểm			2	2
Tổng	Số câu	4	4	2	10
	Số điểm	2	2	3	7

Ma trận câu hỏi đề kiểm tra môn Tiếng Việt học kì II lớp 2

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu văn bản	Số câu	4		4				8
		Câu số	1, 2,3,4		5,6,7, 8				
2	Kiến thức Tiếng Việt	Số câu					1	1	2
		Câu số					9	10	
Tổng số câu			4	0	4		1	1	10
Tỉ lệ			40%		40%		20%		100%

Năm học 2024 - 2025

Bài kiểm tra đọc

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Kiến thức	Số câu	01		01	01			04
		Câu số	6,	8	7	9			
		Số điểm	0,5		0,5	1			3
2	Đọc hiểu văn bản	Số câu	04					01	05
		Câu số	1, 2, 3, 4					5	
		Số điểm	2					1	3
Tổng số câu			04	02	01	1		01	9
Tổng số điểm			2,0	1,0	1,0	1,0		1,0	6,0

Bài kiểm tra viết

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Bài viết 1	Số câu				1			1
		Câu số				1			
		Số điểm				4			4
2	Bài viết 2	Số câu						1	1
		Câu số						2	
		Số điểm						6	6
Tổng số câu						1		1	2
Tổng số điểm						4		6	10

Thứ ngày tháng..... năm.....

UBND HUYỆN.....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- NĂM HỌC: 2025 - 2025

TRƯỜNG TH.....

Môn: TIẾNG VIỆT - LỚP 2 (PHẦN ĐỌC)

Thời gian: 30 phút (không kể thời gian đọc thành tiếng)

Họ và tên học sinh : - Lớp:

Điểm	Nhận xét	Kí (ghi rõ họ và tên)		
		Giám thị	Giám khảo 1	Giám khảo 2

KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (4 điểm):
2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (6 điểm):

Đọc thêm đoạn văn và hoàn thành các bài tập sau:

I. Đọc thêm văn bản sau:

MÙA VÀNG

Thu về, những quả hồng đỏ mọng, những hạt dẻ nâu bóng, những quả na mở to mắt, thơm dịu dịu. Biển lúa vàng ươm. Gió nổi lên và sóng lúa vùng dập dòn trải tới chân trời.

Minh ríu rít bên mẹ:

- Mẹ ơi, con thấy quả trên cây đều chín hết cả rồi. Các bạn ấy đang mong có người đến hái đấy. Nhìn quả chín ngon thế này, chắc các bác nông dân vui lắm mẹ nhỉ?

- Đúng thế con ạ.

- Nếu mùa nào cũng được thu hoạch thì thích lắm phải không mẹ?

Mẹ âu yếm nhìn Minh và bảo:

- Con nói đúng đấy! Mùa nào thức ấy.

Nhưng để có cái thu hoạch, trước đó người nông dân phải làm rất nhiều việc. Họ phải cày bừa, gieo hạt và chăm sóc. Rồi mưa nắng, hạn hán, họ phải chăm sóc vườn cây, ruộng đồng. Nhờ thế mà cây lớn dần, ra hoa kết trái và chín rộ đấy.

- Mẹ ơi, con hiểu rồi. Công việc của các bác nông dân vất vả quá mẹ nhỉ?

(Theo Những câu chuyện hay, những bài học quý)

Dựa vào bài đọc, khoanh vào đáp án đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Mùa thu về có những quả, hạt gì chín, thơm ?

A. Quả hồng, cam B. Quả hồng, na, hạt dẻ C. Hồng, na. D. hạt dẻ, cam

Câu 2. Trước mùa thu hoạch, các bác nông dân phải làm những gì ?

A. cày bừa B. cày bừa và gieo hạt C. Cày bừa, gieo hạt, chăm sóc D. Dẩy cỏ

Câu 3. Để thu hoạch tốt, ngoài công sức của người nông dân còn phụ thuộc điều gì nữa ?

A. Thời tiết B. Nước C. Công an D. Côn trùng

Câu 4. Em có muốn trở thành một người nông dân không? vì sao ?

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 5. a. Tô màu vào ô chứa từ ngữ thiên nhiên.

biển	xe máy	Trời
túi ni-lông	rừng	dòng sông

Câu 6. Điền vào chỗ chấm từ ngữ trả lời câu hỏi “Khi nào?”, “Để làm gì?”

a.chú gà trống cất tiếng gáy vang gọi mọi người thức dậy.

b. Em chăm chỉ luyện tập thể dục, thể thao để.....

Câu 7. Sắp xếp các từ sau thành câu viết lại:

Đàn trâu thung thẳm giữa cánh đồng gặm cỏ.

.....
.....

Câu 8 Trong bài “Mùa vàng” có mấy câu hỏi? Vì sao em biết đó là câu hỏi?

.....
.....

II. Phần viết

1. Chính tả :

Mùa vàng

Nhưng để có cái thu hoạch, trước đó người nông dân phải làm rất nhiều việc. Họ phải cày bừa, gieo hạt và chăm sóc. Rồi mưa nắng, hạn hán, họ phải chăm sóc vườn cây, ruộng đồng. Nhờ thế mà cây lớn dần, ra hoa kết trái và chín rộ đấy.

- Mẹ ơi, con hiểu rồi. Công việc của các bác nông dân thật vất vả quá mẹ nhỉ?

Bài tập chính tả

a. Điền vần

Điền vần *at* hoặc *ac* và thêm dấu thanh phù hợp::

thơm ng.....

bãi r.....

còn c.....

lười nh.....

b. Điền âm

x hay s

xuất ...ắc

....ung quanh

2. Tập làm văn:

Kể về người thân trong gia đình em

Bài làm tham khảo

Trong gia đình mình, người em gắn bó nhất chính là ông nội. Ông nội của em năm nay đã ngoài bảy mươi tuổi, nhưng vẫn còn khỏe lắm. Ông có dáng người cao. Đôi bàn tay đầy những nếp nhăn đã suốt đời làm lụng vất vả để nuôi con cháu. Khuôn mặt phúc hậu, ánh mắt hiền từ lúc nào cũng nhìn chúng tôi rất trìu mến. Mỗi khi về quê thăm ông, em lại ngồi nghe ông kể những câu chuyện ngày xưa. Em yêu ông nội của mình nhiều lắm.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ GHI ĐIỂM

I- KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (4 điểm):

Nội dung đánh giá	Biểu điểm
- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đạt yêu cầu, giọng đọc có biểu cảm.	1 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa. (Cứ sai từ tiếng thứ 6 trừ mỗi tiếng 0,5đ; ngắt nghỉ sai 4 chỗ trừ 1điểm.)	1 điểm
- Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng)	1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc.	1 điểm
Tùy theo mức độ sai sót so với yêu cầu; mức độ đạt được của học sinh theo từng phần mà giáo viên ghi điểm sao cho phù hợp.	

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (6 điểm):

Nội dung	Điểm							
Câu 1: B. Quả hồng, na, hạt dẻ	0,5 điểm							
Câu 2: C. Cày bừa, gieo hạt, chăm sóc	0,5 điểm							
Câu 3: A. Thời tiết	0,5 điểm							
Câu 4: Câu 4. Em có muốn trở thành một người nông dân không? vì sao? Tùy HS trả lời muốn hay không muốn và có lời giải thích phù hợp.	0,5 điểm							
<table border="1"> <tbody> <tr> <td>biên</td> <td>xe máy</td> <td>Trời</td> <td rowspan="2">1 điểm</td> </tr> <tr> <td>túi ni-lông</td> <td>rừng</td> <td>dòng sông</td> </tr> </tbody> </table>	biên	xe máy	Trời	1 điểm	túi ni-lông	rừng	dòng sông	
biên	xe máy	Trời	1 điểm					
túi ni-lông	rừng	dòng sông						
Câu 7: Giữa cánh đồng, đàn trâu thung thẳng gặm cỏ.	0,5 điểm							

Đàn trâu thung thặng gặm cỏ giữa cánh đồng.	
Đàn trâu gặm cỏ thung thặng giữa cánh đồng.	
Câu 8: Trong bài có 2 câu hỏi. Em biết vì kết thúc câu có dấu chấm hỏi.	<i>0,5điểm</i>

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ GHI ĐIỂM

1. **Chính tả:** (4điểm) Không cho điểm không phần này

- **Tốc độ đạt yêu cầu;** chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ; trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp. (0,5điểm)
- **Viết đúng chính tả** (không mắc quá 5 lỗi). (2,5điểm)
(Mắc 6 lỗi (1,25điểm). Từ lỗi thứ 7 mỗi lỗi trừ 0,25 điểm, nghĩa là: 7 lỗi (1 điểm); 8 lỗi (0,75điểm); 9 lỗi(0,5).....)
- * Tùy theo mức độ sai sót so với yêu cầu mà giáo viên ghi điểm sao cho phù hợp.
- Bài tập chính tả(1điểm): **Điền đúng 1 âm, vẫn được (0,25 điểm)**

2. **Tập làm văn:** (6điểm)

- *Nội dung (ý): 3 điểm
- HS viết được 1 đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.
- * Kỹ năng: 3 điểm
- Điểm tối đa cho kỹ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm
- Điểm tối đa cho kỹ năng dùng từ, đặt câu: 1 điểm
- Điểm tối đa cho phần sáng tạo : 1 điểm
- * Tùy theo mức độ sai sót so với yêu cầu mà giáo viên ghi điểm sao cho phù hợp.